

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày: 08/02/2018
V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Hồng Vân

2/ Ông Nguyễn Văn Tiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Quyên-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2017/TLST-KDTM ngày 28/6/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 494/2017/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa 10/2018/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh vật liệu xây dựng ND
Địa chỉ: Phường 10, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1958
(Theo giấy ủy quyền không số ngày 15/6/2017).

(Có mặt)

+ **Bị đơn:** Tổng công ty Xây dựng TS.

Địa chỉ: phường T, quận T, Tp. Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Công ty 9- Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng TS, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa)



NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/12/2014, bên bán là Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh vật liệu xây dựng NĐ (sau đây gọi tắt là công ty NĐ) và bên mua, Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng TS - Công ty 9 (sau đây gọi tắt là Công ty 9) có ký hợp đồng kinh tế số 130/HĐKT.2014 về việc mua bán vật liệu xây dựng dùng để làm đường vòng quanh đảo Phú Quốc. Do hợp đồng cung cấp vật liệu để thi công nên không ghi nhận số lượng cung cấp, chỉ ghi nhận về loại vật liệu và giá cả. Hai bên thỏa thuận có hai phương thức thanh toán: nếu trả trước tính giá theo hợp đồng, nếu bên mua đã nhận từ 2.000m³ các loại vật liệu mà chưa thanh toán cho bên bán có quyền ngưng cung cấp hàng, lúc này bên mua phải thanh toán một lần và giá thanh toán cộng thêm 10.000đồng/m³, đồng thời bên mua phải chịu lãi suất theo quy định của ngân hàng.

Trong quá trình thi công, Công ty 9 cần thêm một số loại vật liệu mà hợp đồng 130/HĐKT.2014 chưa ghi nhận, do vậy hai bên lần lượt ký kết 3 phụ lục hợp đồng vào các ngày 02/3/2015, 27/10/2015 và ngày 30/7/2016, phụ lục này thỏa thuận về loại vật liệu và giá cả, còn phương thức thanh toán giống như hợp đồng số 130/HĐKT.2014 ký ngày 29/12/2014.

Công ty Nguyễn Đắc cung cấp hàng cho Công ty 9 đúng yêu cầu, mặc dù Công ty 9 giao tiền chậm và nhiều lần Công ty NĐ ngưng cung cấp hàng nhưng Công ty 9 đề nghị Công ty NĐ tiếp tục cung cấp để Công ty 9 hoàn thành dự án, do Công ty 9 là đối tác lâu năm nên Công ty NĐ vẫn cung cấp hàng theo yêu cầu của Công ty 9.

Từ tháng 9/2016 Công ty NĐ không còn giao hàng nhưng đến tháng 3/2017, Công ty 9 vẫn chưa thanh toán đủ. Do vậy ngày 31/3/2017, công ty NĐ lập Biên bản đối chiếu công nợ gửi cho Công ty 9. Trong đó công ty NĐ xác định đến ngày 31/3/2017 Công ty 9 còn nợ Công ty NĐ 631.382.560 đồng, đây là giá vật liệu (tính theo giá trên hợp đồng) mà Công ty NĐ đã cung cấp cho Công ty 9, công nợ này không ghi nhận về số tiền lãi do chậm trả cũng như giá hàng hóa cộng thêm 10.000 đồng/m³ theo phương thức trả sau. Công ty 9 đã xác nhận công nợ này.

Sau khi ký công nợ ngày 31/3/2017, Công ty 9 không thanh toán nên Công ty NĐ khởi kiện. Trong đơn kiện, công ty NĐ yêu cầu Công ty 9 thanh toán các khoản sau: giá vật liệu theo hợp đồng 631.382.560 đồng, tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau là 112.698.800 đồng, lãi suất chậm trả 13,5%/1 năm tạm tính đến ngày 15/6/2017 là 207.508.346 đồng. Kể từ ngày công ty NĐ khởi kiện thì đến ngày 21/9/2017, Công ty 9 đã trả hết 631.382.560 đồng, nhưng chưa thanh toán tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau là 112.698.800 đồng, và lãi suất chậm trả 207.508.346 đồng.



Ngày 05/02/2018, Công ty NĐ thay đổi yêu cầu khởi kiện: không yêu cầu Công ty 9 trả số tiền 631.382.560 đồng nhưng phải trả tiền lãi của số tiền 631.382.560 đồng tính đến ngày 21/9/2017, đồng thời vẫn phải thanh toán tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau và lãi suất chậm trả. Tại phiên tòa, Công ty NĐ yêu cầu Công ty 9 thanh toán hai khoản tiền còn lại và tiền lãi của số tiền 631.382.560 đồng tính từ ngày ký công nợ 31/3/2017 đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

* Ngày 18/9/2017 Bị đơn cử ông Nguyễn Thế Q (là Chủ nhiệm Chính trị của Công ty) đến Tòa nhưng không có giấy ủy quyền tham gia tố tụng bằng văn bản. Như vậy, bị đơn không cử đại diện đến tòa cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn thiếu, tiền lãi chậm trả trong quan hệ mua bán hàng hóa trong kinh doanh nên đây là “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa nguyên đơn và Công ty 9- Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng TS có địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 0100512273-022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư cấp thể hiện bên ký kết, thực hiện hợp đồng với nguyên đơn là Công ty 9- Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng TS. Theo Khoản 5 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty Xây dựng TS là bị đơn.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau là 112.698.800 đồng và lãi suất chậm trả 207.508.346 đồng

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp pháp luật, nên chấp nhận

Xét hợp đồng kinh tế số 130/HĐKT.2014 và các phụ lục hợp đồng vào các ngày 02/3/2015, 27/10/2015 và ngày 30/7/2016;

Xét các biên bản đối chiếu công nợ vào các ngày 01/12/2015, 01/01/2016, 01/3/2016, và ngày 31/3/2017;

Hợp đồng kinh tế số 130/HĐKT.2014 do đại diện hợp pháp của hai bên ký kết ngày 31/3/2014 thể hiện sự tự nguyện của các bên, nội dung không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký kết. Nguyên đơn đã giao vật liệu xây dựng theo đúng các điều khoản của hợp đồng.

Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2017 có ghi “căn cứ hợp đồng 130/HĐKT.2014...”, tại mục IV có ghi “*tính đến ngày 31/3/2017 Cty 98-CN tổng CT XD Trường Sơn còn nợ Cty TNHH XD& KD VLXD Nguyễn Đắc số tiền: 631.382.560 đ (I+II+III)*”. Ngoài biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2017, nguyên đơn có lập ba biên bản đối chiếu công nợ vào các ngày 01/12/2015, 01/01/2016, 01/3/2016. Các biên bản này đều giống về mặt hình thức với biên bản ngày 31/3/2017, chỉ khác về số tiền ghi nhận tại mục IV, cụ thể ngày 30/11/2015 ghi nhận số tiền là 441.929.560 đồng, ngày 31/12/2015 số tiền là 265.839.560 đồng, ngày 29/2/2016 số tiền là 969.430.560 đồng. Rõ ràng trong các biên bản này không ghi nhận về nội dung tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau và lãi suất chậm trả, mà xác định số nợ bị đơn phải trả cho nguyên đơn tại một thời điểm cụ thể. Biên bản này do nguyên đơn tự nguyện ký xác nhận nên theo Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015, nội dung này có hiệu lực đối với các bên. Nếu nguyên đơn cho rằng biên bản ngày 31/3/2014 và các biên bản đối chiếu công nợ khác chưa thể hiện hết ý chí của nguyên đơn vì tại thời điểm ký xác nhận, hai bên chưa tính toán đến tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau và lãi suất chậm trả thì nguyên đơn phải chứng minh. Chứng cứ của nguyên đơn là bảng thống kê tình hình giao hàng và thanh toán nhưng tình hình giao nhận hàng và thanh toán tiền hàng xảy ra trước thời điểm xác lập giao dịch đối chiếu công nợ. Theo quy định tại Điều 121 Bộ luật dân sự năm 2015 về giải thích giao dịch dân sự, khi giao dịch có nội dung khó hiểu thì giải thích theo tập quán. Tập quán trong lĩnh vực kế toán, biên bản đối chiếu công nợ khách hàng là căn cứ để kiểm



tra tình hình thanh toán tiền hàng giữa bên mua và bên bán. Biên bản này do nguyên đơn lập, tức là nguyên đơn đã từ bỏ quyền yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau, nếu có.

Từ đó theo Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không có cơ sở để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau là 112.698.800 đồng và lãi suất chậm trả 207.508.346 đồng. Nghĩ nên bác hai yêu cầu này của nguyên đơn.

Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền 631.382.560 đồng tính từ ngày ký công nợ 31/3/2017 đến ngày thụ lý tại Tòa án:

Từ tháng 3/2017 Công ty 9 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại Khoản 2 điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bị đơn phải trả lãi theo mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm. Như vậy, mức lãi suất 13.5%/năm do nguyên đơn đưa ra là phù hợp nên chấp nhận để tính tiền lãi chậm trả. Bị đơn phải trả tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 31/3/2017 đến ngày thụ lý, tiền lãi là 21.309.161 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu về tiền lãi từ ngày ký công nợ nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 21.309.161 đồng, án phí là 3.000.000 đồng;

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu 320.207.146 đồng, án phí là 16.010.357 đồng. Nguyên đơn đã nộp 20.273.846 đồng nên được cản trừ và hoàn trả phần còn dư 4.263.489 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0024748 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12).

Bôûi cauc leõ treân ;

QUYẾT NINH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, , điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 5 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 3, Điều 5, Khoản 1 Điều 121, Khoản 2 điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Tổng công ty Xây dựng TS phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh vật liệu xây dựng NĐ tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền



631.382.560 đồng tính từ ngày ký công nợ 31/3/2017 đến ngày thụ lý tại Tòa án, số tiền là 21.309.161 (hai mươi một triệu ba trăm lẻ chín ngàn một trăm sáu mươi một) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn thanh toán tiền vật liệu tính trên khối lượng theo phương thức trả sau là 112.698.800 đồng và lãi suất chậm trả 207.508.346 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí 3.000.000 (ba triệu) đồng;

Nguyên đơn phải chịu án phí 16.010.357 (mười sáu triệu không trăm mười ngàn ba trăm năm mươi bảy) đồng. Nguyên đơn đã nộp 20.273.846 đồng nên được cản trừ và hoàn trả phần còn dư 4.263.489 (bốn triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi chín) đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0024748 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Nga